

DeLớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 27.3.2021

130. Kinh Thiên Sứ (Devadūta Sutta)

THÔNG ĐIỆP RÕ RÀNG MÀ NHƯ ẪN NGŨ

Devadūta – thiên sứ có nghĩa là thiên thần mang sứ điệp đến cho loài người. Thông điệp ở đây không phải ản ngữ mặc khải mà là ngôn ngữ trần trụi nhất của trần gian nhưng loài người không hiểu được – và cũng không muốn hiểu. Đức Thế Tôn đã dạy rõ vì vô minh không nhận ra bản chất tự nhiên của đời sống nên con người tạo bao ác nghiệp để rồi rơi và khổ cảnh

618. Sanh tử minh của Phật

Với thiên nhân, Phật nhân, tuệ nhân Đức Thế Tôn thấy rõ tất cả hiện tượng tử sanh của muôn loài:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ, (và Ta nghĩ): "Các bậc hữu tình này do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời này. Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với chánh kiến, các vị ấy sau

khi thân hoại mạng chung, được sanh ra giữa loài Người. Còn các hữu tình, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi nạ quĩ (pettivisaya). Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào các loại bàng sanh. Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành... Sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục".

619. Câu chuyện giữa Diêm vương và chúng sanh trong địa ngục

Chúng sanh không phải không được cảnh báo về hiểm họa của đời sống ác hạnh:



Kinh Văn

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước vua Yama (và thừa):

"-- Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn, không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó !

Này các Tỷ-kheo, vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về Thiên sứ thứ nhất: "Này người kia, Ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài Người không?"

Người ấy nói: "Thưa Ngài, không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người có đứa con nít nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ hai: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Ngươi có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, chóng gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sới, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo sự làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ hai, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ ba: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Ngươi có thấy người đàn bà hay người đàn ông bị bệnh hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng nằm rơi vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". " Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ ba, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ tư: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ tư hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... họ lấy gươm chặt đầu". Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý". Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho Ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ tư, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ năm: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ năm hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sung phòng lên, xanh xám lại, rữa nát ra?" Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Ta bị chết chi phối, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, vua Yama giữ im lặng.

620. Khổ hình trong đoạ xứ

Đức Thế Tôn đã có một số mô tả về khổ cảnh trong địa ngục:



Kinh Văn

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (Pañcavidhābandhanam), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực, Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữa Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt mái sắt lợp lên trên.

Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, chảy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của Đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bùng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Dưới, được thổi tạt lên phía Trên. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Trên, được thổi tạt xuống phía Dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của Đại địa ngục được mở ra. Người ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chông lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở ra... cửa phía Bắc được mở ra... cửa phía Nam được mở ra. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chông lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Người ấy đi ra khỏi cửa Địa ngục ấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục là Đại Phần nị Địa ngục (Gūthaniraya). Người ấy rơi vào Địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phần nị Địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục Phần nị ấy là Đại địa ngục Nhiệt khô (Than hừng – Kukkuḷaniraya). Người ấy rơi vào ở đây. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục Nhiệt khô là Đại Châm thọ lâm (Sambalivanam) cao một do tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Châm thọ lâm là Đại Kiếm diệp lâm (Rừng lá gươm - Asipattavanta). Người ấy vào trong ấy. Ở đây, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Kiếm diệp lâm là Đại Khô hà (Sông vôi - Khārodakānādī). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đây người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước người ấy trôi thuận theo, ngược lại dòng nước. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung, cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ Địa ngục, câu người ấy lên với móc câu, đặt người ấy trên đất và nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, tôi đói bụng". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy cộc sắt nung đỏ cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Mọi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo một ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung, cho đến khi ác nghiệp của nó chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, tôi khát nước". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy cộc sắt nung đỏ cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Mọi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ (nước đồng sôi ấy) chảy ra ngoài từ phía dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lại quăng người ấy vào Đại địa ngục.

621. Chuyện kể không phải là ngụ ngôn

Sau khi nói về đọa xứ, Bạc Thiện Thệ dạy những điều đó không phải là dụ ngôn hư cấu mà là những gì được thấy biết bằng Phật nhãn:



Kinh Văn

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng".

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

*Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.
Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử.
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua,
Mọi đau đớn sầu khổ,*

Họ đều được siêu thoát.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 130 [tóm tắt]
Kinh Thiên Sứ (Devadūta Sutta)
(M.iii, 178)

Với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, đức Phật thấy chúng sinh người hạ liệt, kẻ cao sang đều do hạnh nghiệp chúng. Người nào làm ba ác nghiệp về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, có tà kiến và làm các nghiệp theo tà kiến, sau khi chết, bị sanh vào cõi ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục. Còn những người làm thiện nghiệp về thân, ngữ, ý, không phỉ báng bậc Thánh, có chánh kiến, làm các nghiệp theo chánh kiến thì sau khi mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi người.

Khi bị đọa địa ngục, kẻ ác bị Vua Yama (Diêm vương) chất vấn về năm Thiên sứ hiện ra giữa loài người để báo động cho nó lo tu tỉnh:

1/ Cảnh đứa trẻ mới sinh yếu ớt, dơ dáy. Đó là thiên sứ thứ nhất mà kẻ ác đã không biết để suy nghĩ mình bị sanh chi phôi để lo hành thiện;

2/ Cảnh khổ của người già;

3/ Cảnh khổ của bệnh tật hoành hành;

4/ Cảnh khổ của kẻ tội phạm bị tra tấn;

5/ Cảnh khổ của sự chết.

Người bị đọa địa ngục, sau khi được Diêm vương kể ra năm thiên sứ xuất hiện để báo động cho nó trong lúc sống ở đời, liền bị quăng vào địa ngục, chịu các hình phạt khốc liệt do ngục tốt hành hạ. Nó lần lượt bị quăng vào các địa ngục có tên như sau: Đại địa ngục, địa ngục Phấn ni, địa ngục Tro nóng (than hồng), địa ngục Rừng gai, địa ngục Rừng gươm, địa ngục Sông sôi ... Ở mỗi nơi, nó phải chịu những khổ thọ thống thiết khốc liệt, nhưng không thể chết cho đến khi ác nghiệp được tiêu trừ. Khi đói, nó bị nuốt cục đồng cháy đỏ, bỏng hết ruột gan, khát nó phải uống nước đồng sôi làm cho cổ họng bốc cháy, nhưng nó không thể chết khi ác nghiệp đang còn hiệu lực.

Đức Phật kết luận, bậc chân nhân được Thiên sứ báo động thì không bao giờ phóng dật, thấy sợ hãi đối với chấp thủ, đối với sanh tử, do đó được giải thoát chấp thủ, đoạn được sanh tử, được yên ổn lâu dài. Vị ấy vượt qua mọi oán hận, sầu khổ, sợ hãi, được siêu thoát.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 130 [dàn ý]
Kinh Thiên Sứ (Devadūta Sutta)
(M.iii, 178)

A. Duyên khởi:

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và thuyết giảng.

B. Chánh kinh:

I. Thế Tôn với Thiên nhân thấy được các chúng sanh do làm các thiện hành được sanh vào thiện thú, thiên giới, do làm các ác hạnh phải sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh.

II. Người đọa vào đọa xứ bị vua Yama hỏi về 5 thiên sứ:

1. Thiên sứ thứ nhất bị sanh chi phối, không làm điều thiện, làm điều ác nên chịu khổ báo.
2. Thiên sứ thứ hai, bị già chi phối, không làm điều thiện, làm các điều ác nên chịu khổ báo.
3. Thiên sứ thứ ba, bị bệnh chi phối, không làm điều thiện, làm các điều ác nên chịu khổ báo.
4. Thiên sứ thứ tư, làm các tội phạm bị phạt gia hình không làm điều thiện, làm các điều ác nên chịu khổ báo.
5. Thiên sứ thứ năm, bị chết chi phối, không làm điều thiện, làm các điều ác nên chịu khổ báo.

III. Nỗi thống khổ của người làm ác bị đọa vào địa ngục:

1. Bị sáu hình phạt gia hình thống khổ.
2. Bị quăng vào đại địa ngục, cảnh giới đại địa ngục và nỗi thống khổ trong ấy.
3. Các loại địa ngục khác và nỗi thống khổ trong các địa ngục ấy:
 - a. Đại phân nị địa ngục.
 - b. Đại địa ngục nhiệt khô.

c. Đại chiêm thọ lâm.

d. Đại kiếm diệp lâm.

e. Đại khô hà.

Nổi khổ ở địa ngục khi đòi ăn, đòi uống.

IV. Lời mong của vua Yama muốn được làm người và được nghe Như Lai thuyết pháp. Thế Tôn nói những điều Ngài nói, không do ai nói cho Ngài, chỉ do Ngài hiểu biết.

C. Kết luận:

Thế Tôn nói lên bài kệ kết thúc bài thuyết giảng.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 130 [toát yếu] **Kinh Thiên Sứ (Devadūta Sutta)** (M.iii, 178)

I. TOÁT YẾU

The Divine Messengers.

The Buddha describes the sufferings of hell that await the evil-doer after death.

Sứ giả thiên liêng.

Phật mô tả những nỗi khổ ở địa ngục đang chờ đợi kẻ làm ác sau khi chết.

II. TÓM TẮT

Phật dạy chúng tỳ kheo rằng với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ngài thấy chúng sinh chết và tái sinh tùy theo nghiệp lành dữ. Những hữu tình thành tựu thiện hành về thân, lời, ý, có chánh kiến, không phỉ báng các bậc thánh, chết tái sinh vào cõi tốt lành như cõi người cõi trời.

Ngược lại những hữu tình thành tựu ba loại ác hành về thân, lời, ý, có tà kiến, thường phải báng các bậc thánh, chết tái sinh vào những cõi xấu ác như ngạ quỷ, bàng sinh, địa ngục. Tại đây Yama [1] cho họ biết có năm thiên sứ [2] (sứ giả nhà trời) thường hiện ra giữa loài người là trẻ sơ sinh, người già, người bệnh, kẻ có tội bị trừng phạt, và xác chết; nhưng vì ham vui họ đã không ý thức rằng mình cũng bị chi phối bởi sinh, già, bệnh, chết, và có thể phạm tội ác, để lo làm các thiện hành về thân, khẩu, ý. Vì đã sống buông thả không lánh dữ làm lành nên giờ đây họ phải chịu hậu quả ác nghiệp do chính họ làm, không phải do ai khác. Sau khi bị Diêm vương thẩm vấn, họ bị các người canh giữ tra tấn bằng những cực hình làm họ đau đớn khốc liệt rồi lại bị quăng vào Đại địa ngục [3] toàn bằng sắt nóng, địa ngục Phán nị, địa ngục Than hừng, địa ngục Rừng gai, địa ngục Rừng lá gươm, địa ngục Sông sôi. Tại đây khi đói, họ phải ăn hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Dù đau đớn khốc liệt, họ vẫn phải chết đi sống lại để chịu khổ và chỉ mạng chung khi ác nghiệp đã tiêu trừ. Phật dạy điều này chỉ có Ngài thấy biết, không nghe từ ai khác. Và Ngài kết thúc bằng một bài kệ nói mặc dù đã được thiên sứ báo động, kẻ ngu vẫn sống buông thả và phải chịu đau khổ dài lâu, còn bậc trí thấy vậy không bao giờ phóng dật, siêng tu diệu pháp, giải thoát khỏi chấp thủ và nhờ vậy chấm dứt sinh tử về sau, hiện tại được an lạc.

III. CHÚ GIẢI

1. Yama là thần chết. MA nói ông ta là chúa tể của loài ma sở hữu một cung trời. Khi thì ông sống trên cung trời hưởng thọ thiên lạc, khi thì ông thọ quả báo của nghiệp; ông ta là một ông vua công chính. MA thêm rằng kỳ thực có đến bốn Yamas, mỗi ông trấn một trong bốn cổng (địa ngục?).
2. Theo thần thoại PG, ba thiên sứ là người già, người bệnh, và xác chết, xuất hiện trước đức Bồ-tát trong khi Ngài đang sống trong hoàng cung, khiến Ngài đâm chán, muốn xa lìa cuộc sống thế tục và đánh thức trong Ngài ước muốn tìm giải thoát. Xem Tăng chi 3, để thấy cái cốt lõi tâm lý mà có lẽ từ đó câu chuyện đã được triển khai.
3. Sự mô tả địa ngục ở đây cũng được tìm thấy trong kinh 129.
4. Bắt đầu từ chỗ này trong Kệ tụng dưới đây, chép nguyên văn lời kệ do Hòa thượng Minh Châu dịch.

IV. PHÁP SỐ

(không có)

V. KỆ TỤNG

‘Với thiên nhân thanh tịnh
Phật thấy các hữu tình
Chết rồi lại tái sinh
Tùy theo nghiệp lành dữ.

‘Ai thành tựu thiện hành
Về thân, lời và ý,
Làm việc theo chánh kiến
Không phỉ báng bậc thánh
Chết tái sinh cõi lành
Làm người, sinh thiên giới.

‘Ngược lại những hữu tình
Thành tựu ba ác hành
Về thân, lời, và ý
Lại thêm có tà kiến
Phỉ báng các bậc thánh
Chết sinh làm ngựa quỷ
Vào bàng sinh, địa ngục.

‘Diêm vương tra vấn họ
Về thiên sứ hiện ra:
Trẻ sơ sinh, người già
Người bệnh và xác chết
Phạm tội bị cực hình
Sao không biết chính mình
Sẽ lâm vào cảnh ấy
Đề phát tâm tu hành
Vẫn buông lung thói ác?
Giờ đây ngươi phải chịu
Hậu quả của ác nghiệp
Do chính ngươi đã làm
Không phải do ai khác.
Diêm vương thẩm vấn xong
Người canh giữ địa ngục
Tra tấn kẻ làm ác
Những cực hình khốc liệt
Quăng vào Đại địa ngục

Làm toàn bằng sắt nóng
Rồi địa ngục Phán nị
Đến địa ngục Than hùng
Qua địa ngục Rừng gai
Địa ngục Rừng lá gươm
Và địa ngục Sông vôi
Đói ăn hoàn sắt nóng
Khát uống nước đồng sôi
Dù đau đớn dữ dội
Đến chết đi sống lại
Sinh mạng vẫn kéo dài
Bao lâu chưa tiêu nghiệp
Điều này Phật thấy biết,
Không nghe từ một ai.

‘Đối với bậc hiền trí
Được thiên sứ báo động [4]
Không bao giờ phóng dật
Trong diệu pháp bậc thánh.
Thấy sợ trong chấp thủ
Trong hiện hữu sinh tử
Được giải thoát chấp thủ
Sinh tử được đoạn trừ
Được yên ổn khoái lạc
Ngay hiện tại tịch tịnh
Hết oán hận sợ hãi
Thoát đau đớn khổ sầu.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

130. Devadūtasuttam [Mūla]

261. Evaṃ me sutam : ekam samayaṃ **Bhagavā** sāvattiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "seyyathāpi, bhikkhave, dve agārā sadvārā [sandhidvārā (ka.)], tattha cakkhumā puriso majjhe t̥hito passeyya manusse gehaṃ pavisantepi nikkhamantepi anucaṅkamantepi anuvarantepi evameva kho ahaṃ, bhikkhave, dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passāmi cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe, sugate duggate yathākammūpage satte pajānāmi : 'ime vata bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādiṭṭhikā sammādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādiṭṭhikā sammādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā manussesu upapannā. Ime vata bhonto sattā kāyaducaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoducaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādiṭṭhikā micchādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā pettivisayaṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyaducaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoducaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādiṭṭhikā micchādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā tiracchānayaṇiṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyaducaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoducaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādiṭṭhikā micchādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannāti.

262. "Tameṇaṃ, bhikkhave, nirayapālā nānābhāsu gahetvā yamassa rañño dassenti : 'ayaṃ, deva, puriso amatteyyo apetteyyo asāmañño abrahmañño, na kule jett̥hāpacāyī. Imassa devo daṇḍaṃ paṇetūti. Tameṇaṃ, bhikkhave, yamo rājā paṭhamaṃ devadūtaṃ samanuyuñjati samanugāhati samanubhāsati : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu paṭhamaṃ devadūtaṃ pātubhūnti? so evamāha : 'nāddasaṃ, bhanteti. "Tameṇaṃ, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu daharaṃ kumāraṃ mandaṃ uttānaseyyakaṃ sake muttakarīse palipannaṃ semānanti? so evamāha : 'addasaṃ, bhanteti. "Tameṇaṃ, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, tassa te viññussa sato mahallakassa na etadahosi : ahampi khomhi jātidhammo, jātiṃ anatīto. Handāhaṃ kalyāṇaṃ karomi kāyena vācāya manasāti? so evamāha : 'nāsakkhissaṃ, bhante, pamādasasṃ, bhanteti. "Tameṇaṃ, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, pamādatāya na kalyāṇamakāsi kāyena vācāya manasā. Taggha tvaṃ, ambho purisa, tathā karissanti yathā taṃ pamattaṃ. Taṃ kho pana te etaṃ pāpakammaṃ [pāpaṃ kammaṃ (sī.

pī.)] neva mātārā kataṃ na pitarā kataṃ na bhātarā kataṃ na bhaginiyā kataṃ na mittāmaccehi kataṃ na ñātisālohitehi kataṃ na samaṇabrāhmaṇehi kataṃ na devatāhi kataṃ, tayāvetam pāpakammaṃ [pāpaṃ kammaṃ (sī. pī.)] kataṃ, tvaññevetassa vipākaṃ paṭisaṃvedissasīti.

263. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā paṭhamam devadūtam samanuyuñjivā samanugāhitvā samanubhāsivā dutiyam devadūtam samanuyuñjati samanugāhati samanubhāsati : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu dutiyam devadūtam pātubhūtanti? so evamāha : 'nāddasam, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu itthim vā purisaṃ vā () [(āsītikaṃ vā nāvutikaṃ vā vassasatikaṃ vā jātiyā) (ka. sī. syā. kaṃ. pī.) tikaṅguttarepi] jinṇam gopānasivaṅkaṃ bhoggam daṇḍaparāyanam pavedhamānam gacchantam āturam gatayobbanam khaṇḍadantam palitakesam vilūnam khalitasiram [khalitaṃsiro (sī.), khalitaṃsiram (syā. kaṃ. pī.)] valinam tilakāhatagattanti? so evamāha : 'addasam, bhanteti. "Tamenam , bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, tassa te viññussa sato mahallakassa na etadahosi : ahampi khomhi jarādhammo, jaram anatīto. Handāham kalyāṇam karomi kāyena vācāya manasāti? so evamāha : 'nāsakkhissam, bhante, pamādassam, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, pamādatāya na kalyāṇamakāsi kāyena vācāya manasā. Taggha tvaṃ, ambho purisa, tathā karissanti yathā taṃ pamattaṃ. Taṃ kho pana te etaṃ pāpakammaṃ neva mātārā kataṃ na pitarā kataṃ na bhātarā kataṃ na bhaginiyā kataṃ na mittāmaccehi kataṃ na ñātisālohitehi kataṃ na samaṇabrāhmaṇehi kataṃ na devatāhi kataṃ, tayāvetam pāpakammaṃ kataṃ, tvaññevetassa vipākaṃ paṭisaṃvedissasīti.

264. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā dutiyam devadūtam samanuyuñjivā samanugāhitvā samanubhāsivā tatiyam devadūtam samanuyuñjati samanugāhati samanubhāsati : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu tatiyam devadūtam pātubhūtanti? so evamāha : 'nāddasam, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu itthim vā purisaṃ vā ābādhikaṃ dukkhitam bālhagilānam sake muttakarīse palipannaṃ semānam aññehi vuṭṭhāpiyamānam aññehi saṃvesiyamānanti? so evamāha : 'addasam, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, tassa te viññussa sato mahallakassa na etadahosi : ahampi khomhi byādhidhammo , byādhiṃ anatīto. Handāham kalyāṇam karomi kāyena vācāya manasāti? so evamāha : 'nāsakkhissam, bhante, pamādassam, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, pamādatāya na kalyāṇamakāsi kāyena vācāya manasā. Taggha tvaṃ, ambho purisa, tathā karissanti yathā taṃ pamattaṃ. Taṃ kho pana te etaṃ pāpakammaṃ neva mātārā kataṃ na pitarā kataṃ na bhātarā kataṃ na bhaginiyā kataṃ na mittāmaccehi kataṃ na ñātisālohitehi kataṃ na samaṇabrāhmaṇehi kataṃ na devatāhi kataṃ, tayāvetam pāpakammaṃ kataṃ, tvaññevetassa vipākaṃ paṭisaṃvedissasīti.

265. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā tatiyaṃ devadūtaṃ samanuyuñjivā samanugāhitvā samanubhāsivā catutthaṃ devadūtaṃ samanuyuñjati samanugāhati samanubhāsati : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu catutthaṃ devadūtaṃ pātubhūtaṃ? so evamāha : 'nāddasaṃ, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu rājāno coraṃ āgucāriṃ gahetvā vividhā kammakāraṇā kārente : kasāhipi tālente vettehipi tālente addhadandaṃkehipi tālente hatthampi chindante pādampi chindante hatthapādampi chindante kaṇṇampi chindante nāsampi chindante kaṇṇanāsampi chindante bilaṅgathālikampi karonte saṅkhamuṇḍikampi karonte rāhumukhampi karonte jotimālikampi karonte hatthapajjotikampi karonte erakavattikampi karonte cīrakavāsikampi karonte eṇeyyakampi karonte baḷisamaṃsikampi karonte kahāpaṇikampi karonte khārāpatacchikampi karonte palighaparivattikampi karonte palālapīṭhakampi karonte tattenapi telena osiṅcante sunakhehipi khādāpente jīvantampi sūle uttāsente asināpi sīsaṃ chindanteti? so evamāha : 'addasaṃ, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, tassa te viññussa sato mahallakassa na etadahosi : ye kira, bho, pāpakāni kammāni karonti te diṭṭheva dhamme evarūpā vividhā kammakāraṇā karīyanti, kimaṅgaṃ [kimaṅga (sī. pī.)] pana parattha ! handāhaṃ kalyāṇaṃ karomi kāyena vācāya manasāti? so evamāha : 'nāsakkhissaṃ, bhante, pamādassaṃ, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, pamādatāya na kalyāṇamakāsi kāyena vācāya manasā. Taggha tvaṃ, ambho purisa, tathā karissanti yathā taṃ pamattaṃ. Taṃ kho pana te etaṃ pāpakammaṃ neva mātārā kataṃ na pitarā kataṃ na bhātārā kataṃ na bhaginiyā kataṃ na mittāmaccehi kataṃ na ñātisālohitehi kataṃ na samaṇabrāhmaṇehi kataṃ na devatāhi kataṃ, tayāvetam pāpakammaṃ kataṃ, tvaññevetassa vipākaṃ paṭisaṃvedissasīti.

266. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā catutthaṃ devadūtaṃ samanuyuñjivā samanugāhitvā samanubhāsivā pañcamaṃ devadūtaṃ samanuyuñjati samanugāhati samanubhāsati : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu pañcamaṃ devadūtaṃ pātubhūtaṃ? so evamāha : 'nāddasaṃ, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, na tvaṃ addasa manussesu itthiṃ vā purisaṃ vā ekāhamataṃ vā dvīhamataṃ vā tīhamataṃ vā uddhumātaṃ vinīlakaṃ vipubbakajātanti? so evamāha : 'addasaṃ, bhanteti. "Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, tassa te viññussa sato mahallakassa na etadahosi : ahampi khomhi maraṇadhammo, maraṇaṃ anatīto. Handāhaṃ kalyāṇaṃ karomi kāyena vācāya manasāti? so evamāha : 'nāsakkhissaṃ, bhante, pamādassaṃ, bhanteti.

"Tamenam, bhikkhave, yamo rājā evamāha : 'ambho purisa, pamādatāya na kalyāṇamakāsi kāyena vācāya manasā. Taggha tvaṃ, ambho purisa, tathā karissanti yathā taṃ pamattaṃ. Taṃ kho pana te etaṃ pāpakammaṃ neva mātārā kataṃ na pitarā kataṃ na bhātārā kataṃ na bhaginiyā kataṃ na mittāmaccehi kataṃ na ñātisālohitehi kataṃ na

samaṇabrāhmaṇehi kataṃ na devatāhi kataṃ, tayāvetamaṃ pāpakammaṃ kataṃ, tvaññevetassa vipākaṃ paṭisaṃvedissasīti.

267. "Tamenamaṃ, bhikkhave, yamo rājā pañcamamaṃ devadūtaṃ samanuyuñjitvā samanugāhitvā samanubhāsivā tuṅhī hoti. Tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā pañcavidhabandhanaṃ nāma kammakāraṇamaṃ karonti : tattaṃ ayokhilaṃ hatthe gamenti, tattaṃ ayokhilaṃ dutiye hatthe gamenti, tattaṃ ayokhilaṃ pāde gamenti, tattaṃ ayokhilaṃ dutiye pāde gamenti, tattaṃ ayokhilaṃ majjheurasmiṃ gamenti. So tattha dukkhā tikkhā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. Tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā saṃvesetvā kuṭṭhārīhi tacchanti - pe - tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā uddhampādaṃ adhosiraṃ gahetvā vāsīhi tacchanti - pe - tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā rathe yojetvā ādittāya pathaviyā sampajjalitāya sajotibhūtāya sārentipi, paccāsārentipi - pe - tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā mahantaṃ aṅgārapabbataṃ ādittaṃ sampajjalitaṃ sajotibhūtaṃ āropentipi oropentipi - pe - tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā uddhampādaṃ adhosiraṃ gahetvā tattāya lohakumbhiyā pakkhipanti ādittāya sampajjalitāya sajotibhūtāya. So tattha pheṇuddehakaṃ paccati. So tattha pheṇuddehakaṃ paccamāno sakimpi uddhaṃ gacchati, sakimpi adho gacchati, sakimpi tiriyaṃ gacchati. So tattha dukkhā tikkhā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. Tamenamaṃ, bhikkhave, nirayapālā mahāniraye pakkhipanti. So kho pana, bhikkhave, mahānirayo :

"Catukkaṇṇo catudvāro, vibhatto bhāgasō mito.

Ayopākārapariyanto, ayasā paṭikujjito..

"Tassa ayomayā bhūmi, jalitā tejasāyutā.

Samantā yojanasataṃ, pharivā tiṭṭhati sabbadā ..

268. "Tassa kho pana, bhikkhave, mahānirayassa puratthimāya bhittiyā acci utṭhahitvā pacchimāya bhittiyā paṭihaññati, pacchimāya bhittiyā acci utṭhahitvā puratthimāya bhittiyā paṭihaññati, uttarāya bhittiyā acci utṭhahitvā dakkhiṇāya bhittiyā paṭihaññati, dakkhiṇāya bhittiyā acci utṭhahitvā uttarāya bhittiyā paṭihaññati, hetṭhā acci utṭhahitvā upari paṭihaññati, uparito acci utṭhahitvā hetṭhā paṭihaññati. So tattha dukkhā tikkhā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. "Hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena tassa mahānirayassa puratthimaṃ dvāraṃ apāpurīyati [avāpurīyati (sī.)]. So tattha sīghena javena dhāvati. Tassa sīghena javena dhāvato chavimpi ḍayhati, cammampi ḍayhati, maṃsampi ḍayhati, nhārumpi ḍayhati, atṭhīnipi sampadhūpāyanti, ubbhatamaṃ tādisameva hoti. Yato ca kho so, bhikkhave, bahusampatto hoti, atha taṃ dvāraṃ pidhīyati [pithīyati (sī. syā. kaṃ. pī.)]. So tattha dukkhā tikkhā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. "Hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena tassa mahānirayassa pacchimaṃ dvāraṃ apāpurīyati - pe - uttaraṃ dvāraṃ apāpurīyati - pe - dakkhiṇamaṃ dvāraṃ apāpurīyati . So tattha sīghena javena dhāvati.

Tassa sīghena javena dhāvato chavimpi ḍayhati, cammampi ḍayhati, maṃsampi ḍayhati, nhārumpi ḍayhati, aṭṭhīnipi sampadhūpāyanti, ubbhatam tādīsameva hoti. Yato ca kho so, bhikkhave, bahusampatto hoti, atha tam dvāram pidhīyati. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti.

"Hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena tassa mahānirayassa puratthimam dvāram apāpurīyati. So tattha sīghena javena dhāvati. Tassa sīghena javena dhāvato chavimpi ḍayhati, cammampi ḍayhati, maṃsampi ḍayhati, nhārumpi ḍayhati, aṭṭhīnipi sampadhūpāyanti, ubbhatam tādīsameva hoti. So tena dvārena nikkhamati.

269. "Tassa kho pana, bhikkhave, mahānirayassa samanantarā sahitameva mahanto gūthanirayo. So tattha patati. Tasmim kho pana, bhikkhave, gūthaniraye sūcimukhā paṇā chaviṃ chindanti, chaviṃ chetvā cammam chindanti, cammam chetvā maṃsam chindanti, maṃsam chetvā nhāruṃ chindanti, nhāruṃ chetvā aṭṭhiṃ chindanti, aṭṭhiṃ chetvā aṭṭhimiṅjam khādanti. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti. "Tassa kho pana, bhikkhave, gūthanirayassa samanantarā sahitameva mahanto kukkulanirayo. So tattha patati. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti. "Tassa kho pana, bhikkhave, kukkulanirayassa samanantarā sahitameva mahantam simbalivanam uddham [uccam (syā. kam.), ubbhato (ka.)] yojanamuggatam soḷasaṅgulakaṅṭakam [soḷasaṅgulakaṅṭakam (sī.)] ādittam sampajjalitam sajotibhūtam. Tattha āropentipi oropentipi. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti. "Tassa kho pana, bhikkhave, simbalivanassa samanantarā sahitameva mahantam asipattavanam. So tattha pavisati. Tassa vāteritāni pattāni patitāni hatthampi chindanti, pādampi chindanti, hatthapādampi chindanti, kaṅṅampi chindanti, nāsampi chindanti, kaṅṅanāsampi chindanti. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti. "Tassa kho pana, bhikkhave, asipattavanassa samanantarā sahitameva mahatī khārodakā nadī [khārodikā nadī (sī.)]. So tattha patati. So tattha anusotampi vuyhati, paṭisotampi vuyhati, anusotapaṭisotampi vuyhati. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na tam pāpakammaṃ byantīhoti.

270. "Tamenam, bhikkhave, nirayapālā balisena uddharitvā thale patiṭṭhāpetvā evamāhaṃsu : 'ambho purisa, kiṃ icchasīti? so evamāha : 'jighacchitosmi, bhanteti. Tamenam, bhikkhave, nirayapālā tattena ayosaṅkunā mukham vivaritvā ādittena sampajjalitena sajotibhūtena tattam lohaguḷam mukhe pakkhipanti ādittam sampajjalitam sajotibhūtam. So tassa [tam tassa (ka.), tassa (sī. pī.)] oṭṭhampi dahati [ḍayhati (sī. syā. kam. pī.)], mukhampi dahati, kaṅṭhampi dahati, urampi [udarampi (sī. syā. kam.)] dahati, antampi antaguṇampi ādāya adhobhāgā nikkhamati. So tattha dukkhā tibbā kharā kaṭukā

vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. "Tamenam , bhikkhave, nirayapālā evamāhaṃsu : 'ambho purisa, kiṃ icchasīti? so evamāha : 'pipāsitosmi, bhanteti. Tamenam, bhikkhave, nirayapālā tattena ayosaṅkunā mukhaṃ vivarivā ādittena sampajjalitena sajotibhūtena tattaṃ tambaloḥaṃ mukhe āsiṅcanti ādittaṃ sampajjalitaṃ sajotibhūtaṃ. Taṃ tassa [ettha pana pāṭhabhedo natthi] oṭṭhampi dahati, mukhampi dahati, kaṅṭhampi dahati, urampī dahati, antampī antaḅḅampī ādāya adhobhāgā nikkhamati. So tatta dukkhā tibbā kharā kaṭukā vedanā vedeti, na ca tāva kālaṅkaroti, yāva na taṃ pāpakammaṃ byantīhoti. Tamenam, bhikkhave, nirayapālā puna mahāniraye pakkhipanti. "Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, yamassa raṅṅo etadahosi : 'ye kira , bho, loke pāpakāni akusalāni kammāni karonti te evarūpā vividhā kammakāraṇā karīyanti. Aho vatāhaṃ manussattaṃ labheyyam. Tathāgato ca loke uppajjeyya araham sammāsambuddho. Tañcāhaṃ bhagavantaṃ payirupāseyyam. So ca me **Bhagavā** dhammaṃ deseyya. Tassa cāhaṃ bhagavato dhammaṃ ājāneyyanti. Taṃ kho panāhaṃ, bhikkhave, nāñṅassa samaṅassa vā brāhmaṅassa vā sutvā vadāmi, api ca yadeva sāmaṃ nātaṃ sāmaṃ diṭṭhaṃ sāmaṃ viditaṃ tadevāhaṃ vadāmīti.

271. Idamavoca **Bhagavā**. Idam vatvāna [idam vatvā (sī. pī.) evamīdisesu ṭhānesu] sugato athāparaṃ etadavoca satthā :

"Coditā devadūtehi, ye pamajjanti māṇavā.

Te dīgharattaṃ socanti, hīnakāyūpagā narā..

"Ye ca kho devadūtehi, santo sappurisā idha.

Coditā nappamajjanti, ariyadhamme kudācanaṃ..

"Upādāne bhayaṃ disvā, jātimaraṅasambhave.

Anupādā vimuccanti, jātimaraṅasaṅkhaye..

"Te khemappattā sukhino, diṭṭhadhammābhiniḅbutā.

Sabbaverabhayātītā, sabbadukkhāṃ [sabbadukkhā (ka.)] upaccagunti..

Devadūtasuttaṃ niṭṭhitaṃ dasamaṃ.

Suññatavaggo niṭṭhito tatiyo.

Tassuddānaṃ :

Dvidhāva suññatā hoti, abbhutaḅḅhammabākulaṃ.

Aciravatabhūmijanāmo, anuruddhupakkilesaṃ.

Bālapaṅḅito devadūtañca te dasāti.

130. Devadūtasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

261. Evaṃ me sutanti devadūtasuttaṃ. Tattha **dve agārātiādi** assapurasutte vitthāritameva.

262. Nirayaṃ upapannāti bhagavā katthaci nirayato paṭṭhāya desanaṃ devalokena osāpeti, katthaci devalokato paṭṭhāya nirayena osāpeti. Sace saggasampattiṃ vitthāretvā kathetukāmo hoti, nirayadukkhaṃ ekadesato katheti, tiracchānayanidukkhaṃ pettivisayadukkhaṃ manussalokasampattiṃ ekadesato katheti, saggasampattimeva vitthāreti. Sace nirayadukkhaṃ vitthāretvā kathetukāmo hoti, devalokamanussalokesu sampattiṃ tiracchānayanipettivisayesu ca dukkhaṃ ekadesato katheti, nirayadukkhaṃ eva vitthāreti. So imasmiṃ sutte nirayadukkhaṃ vitthāretukāmo, tasmā devalokato paṭṭhāya desanaṃ nirayena osāpeti. Devalokamanussalokasampattiyo tiracchānayanipettivisayadukkhaṃ ca ekadesato kathetvā nirayadukkhaṃ eva vitthārena kathetuṃ **tameṇaṃ, bhikkhave, nirayapālātiādimāha.**

Tattha ekacce therā “**nirayapālā** nāma natthi, yantarūpaṃ viya kammameva kāraṇaṃ kāreti”ti vadanti. Tesaṃ taṃ “atthi niraye nirayapālāti, āmantā, atthi ca kāraṇikā”tiādinā nayena abhidhamme (kathā. 866) paṭisedhitameva. Yathā hi manussaloke kammakāraṇakāraṇakā atthi, evameva niraye nirayapālā atthīti. **Yamassa raññoti** yamarājā nāma vemānikapetarājā, ekasmiṃ kāle dibbavimāne dibbakapparukkhadibbauyyānadibbanātakādisampattiṃ anubhavati, ekasmiṃ kāle kammavipākaṃ, dhammiko rājā. Na cesa ekova hoti, catūsu pana dvāresu cattāro janā honti. **Nāddasanti** attano santike pesitassa kassaci devadūtaṃ abhāvaṃ sandhāya evaṃ vadati. Atha naṃ yamo “nāyaṃ bhāsitaṃ atthaṃ sallakkhetī”ti nātvā sallakkhāpetukāmo **ambhotiādimāha.**

Jātidhammoti jātisabhāvo, aparimutto jātiyā, jāti nāma mayhaṃ abhantareyeva atthīti. Parato **jarādhammotiādisupi** eseva nayo.

263. Paṭhamaṃ devadūtaṃ samanuyūñjitvāti ettha daharakumāro atthato evaṃ vadati nāma “passatha, bho, mayhampi tumhākaṃ viya hatthapādā atthi, sake panamhi muttakarīse palipanno, attano dhammatāya uṭṭhahitvā nhāyituṃ na sakkomi, ahaṃ kiliṭṭhagattomhi, nhāpetha manti vattumpi na sakkomi, jātitomhi aparimuttatāya ediso jāto. Na kho panāhameva, tumhepi jātito aparimuttāva. Yatheva hi mayhaṃ, evaṃ tumhākampī jāti āgamissati, iti tassā pure āgamaṇāva kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenesa devadūto nāma jāto, vacanatto pana maghadevasutte vuttova.

Dutiyam devadūṭanti etthāpi jarājiṇṇasatto atthato evaṃ vadati nāma – “passatha, bho, ahampi tumhe viya taruṇo ahosiṃ ūrubalabāhubalajavanasampanno, tassa me tā balajavanasampattiyo antarahitā, vijjamānāpi me hatthapādā hatthapādakiccaṃ na karonti, jarāyamhi aparimuttatāya ediso jāto. Na kho panāhameva, tumhepi jarāya aparimuttāva. Yatheva hi mayhaṃ, evaṃ tumhākampi jarā āgamissati, iti tassa pure āgamanāva kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenesa devadūto nāma jāto.

Tatiyam devadūṭanti etthāpi gilānasatto atthato eva vadati nāma – “passatha, bho, ahampi tumhe viya nirogo ahosiṃ, somhi etarahi byādhinā abhivato sake muttakarīse palipanno, utthātumpi na sakkomi, vijjamānāpi me hatthapādā hatthapādakiccaṃ na karonti, byādhitomhi aparimuttatāya ediso jāto. Na kho panāhameva, tumhepi byādhito aparimuttāva. Yatheva hi mayhaṃ, evaṃ tumhākaṃ byādhi āgamissati, iti tassa pure āgamanāva kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenesa devadūto nāma jāto.

265. Catuttham devadūṭanti ettha pana kammakāraṇā vā devadūṭāti kātabbā kammakāraṇikā vā. Tattha pana kammakāraṇapakke bāttiṃsa tāva kammakāraṇā atthato evaṃ vadanti nāma – “mayam nibbattamānā na rukkhe vā pāsāṇe vā nibbattāma, tumhādisānaṃ sarīre nibbattāma, iti amhākaṃ pure nibbattitova kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenete devadūṭā nāma jātā. Kammakāraṇikāpi atthato evaṃ vadanti nāma – “mayam dvattiṃsa kammakāraṇā karontā na rukkhādīsu karoma, tumhādisesu sattesuyeva karoma, iti amhākaṃ tumhesu pure kammakāraṇākaraṇatova kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenetepi devadūṭā nāma jātā.

266. Pañcamaṃ devadūṭanti ettha matakasatto atthato evaṃ vadati nāma – “passatha bho maṃ āmakasusāṇe chaḍḍitaṃ uddhumātakādibhāvaṃ pattam, maraṇatomhi aparimuttatāya ediso jāto. Na kho panāhameva, tumhepi maraṇato aparimuttāva. Yatheva hi mayhaṃ, evaṃ tumhākampi maraṇaṃ āgamissati, iti tassa pure āgamanāva kalyāṇaṃ karoṭhā”ti. Tenesa devadūto nāma jāto.

Imaṃ pana devadūṭānuyogaṃ ko labhati, ko na labhatīti? Yena tāva bahuṃ pāpaṃ kataṃ, so gantvā niraye nibbattatiyeva. Yena pana parittaṃ pāpakammaṃ kataṃ, so labhati. Yathā hi sabhaṇḍaṃ coraṃ gahetvā kattabbameva karonti, na vinicchinti. Anuvijjivā gahitaṃ pana vinicchayaṭṭhānaṃ nayanti, so vinicchayaṃ labhati. Evaṃsampaḍametaṃ. Parittapāpakammā hi attano dhammatāyapi saranti, sārīyamānāpi saranti.

Tattha dīghajayantadamiḷo nāma attano dhammatāya sari. So kira damiḷo sumanagirivihāre ākāsacetiyaṃ rattapaṭena pūjesi. Atha niraye ussadasāmante nibbatto aggijālasaddaṃ sutvāva attano pūjitaḍaṃ anussari, so gantvā sagge nibbatto. Aparopi puttassa daharabhikkhuno khalisāṭakaṃ dento pādamiḷe ṭhapesi, maraṇakālamhi paṭapaṭāti

sadde nimittam gaṇhi, sopi ussadasāmaṇe nibbatto jālasaddena tam sātakam anussarivā sagge nibbatto. Evaṃ tāva attano dhammatāya kusalam kammaṃ sarivā sagge nibbatatīti.

Attano dhammatāya asarante pana pañca devadūte pucchati. Tattha koci paṭhamena devadūtena sarati, koci dutiyādīhi. Yo pana pañcahi na sarati, tam yamo rājā sayam sāreti. Eko kira amacco sumanapupphakumbhena mahācetiyaṃ pūjetvā yamassa pattim adāsi, tam akusalakammena niraye nibbatam yamassa santikam nayimsu. Tasmim pañcahi devadūtehi kusale asarante yamo sayam olokeno disvā – “nanu tvam mahācetiyaṃ sumanapupphakumbhena pūjetvā mayham pattim adāsī”ti sāresi, so tasmim kāle sarivā devalokam gato. Yamo pana sayam oloketvāpi apassanto – “mahādukkham nāma anubhavissati ayam satto”ti tuṅhī hoti.

267. Mahānirayeti avīcimahānirayamhi. Kim panassa pamāṇam? Abbhantaram āyāmena ca vitthārena ca yojanasatam hoti. Lohapathavī lohachadanam ekekā ca bhitti navanavayojanikā hoti. Puratthimāya bhittiyā acci utthitā pacchimam bhittim gahetvā tam vinivijjhivā parato yojanasatam gacchati. Sesadisāsupi eseva nayo. Iti jālapariyantavasena āyānavitthārato atthārasayojanādhikāni tīni yojanasatāni, parikkhepato pana navayojanasatāni catupaṇṇāsayojanāni, samantā pana ussadehi saddhim dasayojanasahassam hoti.

268. Ubbhatam tādisameva hotīti ettha akkantapadam yāva atthito dalham uddharitumeva na sakkā. Ayam panettha attho – hetthato patthāya dayhati, uparito patthāya jhāyati, iti akkamanakāle dayhamānam paññāyati, uddharaṇakāle tādisameva, tasmā evam vuttam. **Bahusampattoti** bahūni vassasatavassasahassāni sampatto.

Kasmā panesa narako avīcīti saṅkham gatoti. Vīci nāma antaram vuccati, tattha ca aggijālānam vā sattānam vā dukkhassa vā antaram natthi. Tasmā so avīcīti saṅkham gatoti. Tassa hi puratthimabhittito jālā utthitā saṃsibbamānā yojanasatam gantvā pacchimabhittim vinivijjhivā parato yojanasatam gacchati. Sesadisāsupi eseva nayo.

Imesam channam jālānam majjhe nibbatto devadatto, tassa yojanasatappamāṇo attabhāvo, dve pādā yāva gopphakā lohapathaviṃ pavitthā, dve hatthā yāva maṇibandhā lohabhittiyo pavitthā, sīsam yāva bhamukatthito lohachadane pavittham, adhobhāgena ekam lohasūlam pavisitvā kāyam vinivijjhantam chadane pavittham, pācīnabhittito nikkhantasūlam hadayam vinivijjhivā pacchimabhittim pavittham, uttarabhittito nikkhantasūlam phāsukā vinivijjhivā dakkhiṇabhittim pavittham. Niccale tathāgatamhi aparaddhattā niccalova hutvā paccatīti kammasarikkhatāya ediso jāto. Evaṃ jālānam nirantarātāya avīci nāma.

Abbhantare panassa yojanasatike ðhāne nāliyaṃ koṭṭetvā pūritapiṭṭhaṃ viya sattā nirantarā, “imasmim ðhāne satto atthi, imasmim natthi”ti na vattabbaṃ, gacchantānaṃ ðhitānaṃ nisinnānaṃ nipannānaṃ anto natthi, gacchante vā ðhite vā nisinne vā nipanne vā aññamaññaṃ na bādhandi. Evaṃ sattānaṃ nirantarātāya avīci.

Kāyadvāre pana cha upekkhāsahagatāni cittāni uppajjanti, ekaṃ dukkhasahagataṃ. Evaṃ santepi yathā jivhagge cha madhubindūni ðhapetvā ekasmim tambalohabindumhi ðhapite anudahanabalavatāya tadeva paññāyati, itarāni abbohārikāni honti, evaṃ anudahanabalavatāya dukkhamevettha nirantaraṃ, itarāni abbohārikānīti. Evaṃ dukkhassa nirantarātāya avīci.

269. Mahantoti yojanasatiko. **So tattha patatīti** eko pādo mahāniraye hoti, eko gūthaniraye nipatati. **Sūcimukhāti** sūcisadisamukhā, te hatthigīvappamaṇā ekadoṇikanāvappamaṇā vā honti.

Kukkulanirayoti yojanasatappamaṇova anto kūṭāgāramattavitaccitaṅgārapuṇṇo ādittachārikanirayo, yattha patitapatitā kudrūsakarāsīmhi khittaphālavāsisisilādīni viya heṭṭhimatalameva gaṇhandi.

Āropentīti ayadaṇḍehi pothentā āropenti. Tesam ārohanakāle te kaṇṭakā adhomukhā honti, orohanakāle uddhammukhā.

Vāteritānīti kammamayena vātena calitāni. **Hatthampi chindantīti** phalake maṃsaṃ viya koṭṭayamānāni chindanti. Sace uṭṭhāya palāyati, ayopākāro samuṭṭhahitvā parikkhipati, heṭṭhā khuradhārā samuṭṭhāti.

Khārodakā nadīti veteraṇī nāma tambalohanadī. Tattha ayomayāni kharavālika-pokkharapattāni, heṭṭhā khuradhārā ubhosu tīresu vettalatā ca kusatiṇāni ca. **So tattha dukkhā tībba kharāti** so tattha uddhañca adho ca vuyhamāno pokkharapattesu chijjati. Siṅghātakasaṇṭhānāya kharavālikāya kaṇṭakehi vijjhiyati, khuradhārāhi phāliyati, ubhosu tīresu kusatiṇehi vilekhati, vettalatāhi ākaḍḍhiyati, tikkhasattīhi phāliyati.

270. Tattena ayosaṅkunāti tena jigacchitomhīti vutte mahantaṃ lohacchim lohaguḷānaṃ pūretvā taṃ upagacchanti, so lohaguḷabhāvaṃ ñatvā dante samphuseti, athassa te tattena ayosaṅkunā mukhaṃ vivaranti, tambalohadhārehi mahantena lohakaṭāhena tambalohaṃ upanetvā evamevaṃ karonti. Puna **mahānirayeti** evaṃ pañcavidhabandhanato paṭṭhāya yāva tambalohapānā tambalohapānato paṭṭhāya puna pañcavidhabandhanādīni kāretvā mahāniraye pakkhipanti. Tattha koci pañcavidhabandhaneneva muccati, koci dutiyena, koci tatiyena, koci tambalohapānena muccati, kamme pana aparikkhīṇe puna mahāniraye pakkhipanti.

Idaṃ pana suttaṃ gaṇhanto eko daharabhikkhu, – “bhante, ettakaṃ dukkhamanubhavasattaṃ punapi mahāniraye pakkhipantī”ti āha. Āma, āvuso, kamme aparikkhīṇe punappunaṃ evaṃ karontīti. Tiṭṭhatu, bhante, uddeso, kammaṭṭhānameva kathethāti kammaṭṭhānaṃ kathāpetvā sotāpanno hutvā āgamma uddesaṃ aggahesi. Aññesampi imasmiṃ padese uddesaṃ ṭhapetvā arahattaṃ pattānaṃ gaṇanā natthi. Sabbabuddhānañcetaṃ suttaṃ avijahitameva hoti.

271. Hīnakāyūpagāti hīnakāyaṃ upagatā hutvā. **Upādāneti** taṇhādīṭṭhigahaṇe. **Jātimaraṇasambhaveti** jātiyā ca maraṇassa ca kāraṇabhūte. **Anupādāti** catūhi upādānehi anupādiyivā. **Jātimaraṇasaṅkhayeti** jātimaraṇasaṅkhayasāṅkhāte nibbāne vimuccanti.

Diṭṭhadhammābhiniibbutāti diṭṭhadhamme imasmiṃyeva attabhāve sabbakilesanibbānena nibbutā. **Sabbadukkhaṃ upaccagunti** sabbadukkhātikkantā nāma honti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Devadūtasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

Tatīyavaggavaṇṇanā niṭṭhitā.